

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 04/2019/DSST

Ngày: 24-01-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 04/01/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bạch L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số A đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Nguyễn Lan N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số A đường H, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt

(Theo giấy ủy quyền ngày 29/8/2018).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-08-2018, bản tự khai ngày 20/9/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Bạch L do bà Trương Nguyễn Lan N đại diện trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ làm ăn, quen biết nhau; bà Trần Thị Bạch L tin tưởng và có nhiều lần cho bà Nguyễn Thị Hồng H mượn số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); cụ thể: Ngày 15/10/2017 là 5.000.000 đồng, ngày 14/11/2017 là 10.000.000 đồng, ngày 20/11/2017 là 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 07/02/2018 bà H còn viết giấy nhận của bà Lan số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) để mua giúp bà L 01 xe gắn máy hiệu

Yamaha Exciter đời 2017 (mới 90%) và cam kết trong vòng một tuần sẽ giao xe cho bà L, nếu không xe thì sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho bà L, nhưng đến ngày hẹn bà H không giao xe và cũng không trả lại số tiền đã nhận. Nên bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả nợ số tiền đã mượn 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bà L đã đưa để bà H mua giúp xe gắn máy nhưng bà H không mua xe. Tổng cộng số tiền bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả là 50.000.000 đồng

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Bạch L số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị Bạch L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H phải thanh toán số tiền nợ từ hợp đồng vay tài sản và đòi lại số tiền bà H nhận mua hộ xe mô tô cho bà L nhưng không mua nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản theo quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 167 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng H đang cư trú tại Tổ A, phường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Hồng H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến tòa để trình bày, cung cấp tài

liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị Bạch L yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng H trả 30.000.000 đồng tiền vay và 20.000.000 đồng tiền nhận để mua xe mô tô giúp nhưng không mua và bà L đã cung cấp cho Tòa án các giấy bà H viết mượn tiền vào các ngày 15/10/2017 là 5.000.000 đồng, ngày 14/11/2017 là 10.000.000 đồng, ngày 20/11/2017 là 15.000.000 đồng và giấy nhận tiền để mua giúp xe mô tô ngày 07/02/2018 số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Bạch L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000019 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 167 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bạch L.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho bà Trần Thị Bạch L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trong đó:

- Tiền nợ từ hợp đồng vay tài sản là: 30.000.000 đồng;
- Tiền nhận để mua xe gắn máy là: 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Bạch L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000019 ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng